

PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	Trong đó		Ghi chú
				Tăng	Giảm	
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(1)-(2)	(5)
	TỔNG SỐ	64,358	64,358	934	934	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	63,424	64,358	934		
I.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	63,424	64,358	934		
1	Huyện Ia H'Drai	63,424	64,358	934		
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	934			934	
II.1	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	934			934	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	934			934	

PHỤ LỤC II**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023***ĐVT: Triệu đồng.*

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	Trong đó		Ghi chú
				Tăng	Giảm	
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(1)-(2)	(5)
	TỔNG SỐ	43,604	43,604	3,283	3,283	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	40,321	43,604	3,283		
I.1	<i>Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</i>	40,321	43,604	3,283		
1	Huyện Ia H'Drai	40,321	43,604	3,283		
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3,283			3,283	
II.1	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	3,283			3,283	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3,283			3,283	

PHỤ LỤC III

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025**

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	Trong đó		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	
			Phân bổ tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	Điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2023				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(1)	(6)=(1)-(4)	(7)
	TỔNG SỐ	51,897	25,314	26,583	51,897	6,394	6,394	
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	20,189		20,189	21,389	1,200		
1	Huyện Tu Mơ Rông	20,189		20,189	21,389	1,200		
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	6,394		6,394			6,394	
II.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6,394		6,394			6,394	
1	Huyện Tu Mơ Rông	6,394		6,394			6,394	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	25,314	25,314		30,508	5,194		
III.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	25,314	25,314		30,508	5,194		
1	Huyện Tu Mơ Rông	25,314	25,314		30,508	5,194		

PHỤ LỤC IV

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI
ĐOẠN 2021-2030. GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

DVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	Trong đó		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					
			Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 13/7/2024				
A	B	(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(1)	(7)=(1)-(5)	(7)
	Tổng số	66,956	66,584	372	66,956	805	805	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	9,273	9,273		9,040	200	433	
1	Huyện Đắk Hà	3,428	3,428		2,995		433	
2	Huyện Tu Mơ Rông	5,845	5,845		6,045	200		
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	372		372			372	
II.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	372		372			372	
1	Huyện Tu Mơ Rông	372		372			372	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	56,688	56,688		57,125	437		
III.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	56,688	56,688		57,125	437		
1	Huyện Đắk Hà	21,468	21,468		21,733	265		

STT	Dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023	Trong đó		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					
			Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 13/7/2024				
						Tăng	Giảm	
2	Huyện Tu Mơ Rông	35,220	35,220		35,392	172		
IV	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	623	623		791	168		
IV.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	623	623		791	168		
1	Huyện Đắk Tô	623	623		791	168		

PHỤ LỤC V

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 (VỐN SỰ NGHIỆP)**

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Dự toán ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2023			Điều chỉnh dự toán ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2023	Trong đó		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó			Tăng	Giảm	
			Phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Phân bổ tại Nghị quyết số 33/NQ- HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(1)	(6)=(1)-(4)	(7)
	Tổng số	9,999	7,144	2,855	9,999	3,293	3,293	
I	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	9,999	7,144	2,855	9,999	3,293	3,293	
I.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	5,256	2,401	2,855	1,963		3,293	
1	Huyện Kon Plông	5,256	2,401	2,855	1,963		3,293	
I.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4,743	4,743		8,036	3,293		
1	Huyện Kon Plông	4,743	4,743		8,036	3,293		

PHỤ LỤC VI

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

DVT: Triệu đồng.

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh			Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương năm 2024			Trong đó				Ghi chú
								Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp		
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(5)-(2)	(8)=(2)-(5)	(9)=(6)-(3)	(10)=(3)-(6)	(11)
	TỔNG SỐ	196,432	96,769	99,663	196,432	96,769	99,663	12,735	12,735	13,313	13,313	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1,288		1,288	1,488		1,488			200		
1	Huyện Đắk Tô	1,288		1,288	1,488		1,488			200		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	20,127	20,127		16,706	16,706			3,421			
1	Huyện Ia H'Drai	20,127	20,127		16,706	16,706			3,421			
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	94,955	9,314	85,641	73,077		73,077		9,314	500	13,064	
III.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	74,554		74,554	62,154		62,154				12,400	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	22,473		22,473	19,273		19,273				3,200	
2	Huyện Kon Rẫy	1,458		1,458							1,458	
3	Huyện Đắk Tô	18,922		18,922	16,244		16,244				2,678	
4	Huyện Kon Plông	4,982		4,982	2,861		2,861				2,121	
5	Huyện Đắk Hà	6,089		6,089	4,196		4,196				1,893	
6	Huyện Ia H'Drai	20,630		20,630	19,580		19,580				1,050	
III.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	20,401	9,314	11,087	10,923		10,923		9,314	500	664	
1	Huyện Tu Mơ Rông	9,314	9,314						9,314			
2	Huyện Đắk Tô	4,599		4,599	5,099		5,099			500		
3	Huyện Sa Thầy	6,488		6,488	5,824		5,824				664	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	55,637	44,374	11,263	67,538	47,171	20,367	2,797		9,104		
IV.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	55,637	44,374	11,263	67,538	47,171	20,367	2,797		9,104		
1	Huyện Tu Mơ Rông	44,374	44,374		47,171	47,171		2,797				
2	Huyện Kon Rẫy	1,794		1,794	3,461		3,461			1,667		
3	Huyện Đắk Tô	1,714		1,714	3,483		3,483			1,769		

STT	Dự án	Phân bổ tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh			Điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương năm 2024			Trong đó				Ghi chú
								Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp		
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
4	Huyện Sa Thầy	2,516		2,516	3,180		3,180			664		
5	Huyện Kon Plông	2,147		2,147	4,268		4,268			2,121		
6	Huyện Đắk Hà	2,049		2,049	3,942		3,942			1,893		
7	Huyện Ia H'Drai	1,043		1,043	2,033		2,033			990		
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	21,006	20,662	344	28,819	28,684	135	8,022			209	
V.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc có học sinh sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	21,006	20,662	344	28,819	28,684	135	8,022			209	
1	Huyện Tu Mơ Rông	15,104	15,104		19,705	19,705		4,601				
2	Huyện Ia H'Drai	5,558	5,558		8,979	8,979		3,421				
3	Huyện Kon Rẫy	344		344	135		135				209	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2,700	2,292	408	4,885	4,208	677	1,916		269		
1	Huyện Tu Mơ Rông	2,292	2,292		4,208	4,208		1,916				
2	Huyện Đắk Tô	251		251	460		460			209		
3	Huyện Ia H'Drai	157		157	217		217			60		
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn				3,200		3,200			3,200		
VII.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù				3,200		3,200			3,200		
1	Ban Dân tộc				3,200		3,200			3,200		
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	719		719	719		719			40	40	
VIII.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, GDPL, trợ giúp pháp lý, tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình	597		597	637		637			40		
1	Đắk Hà	597		597	637		637			40		
VIII.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	122		122	82		82				40	
1	Đắk Hà	122		122	82		82				40	